

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/DS-ST

Ngày: 17-9-2019

V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 17/9/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2019/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST-DS ngày 01/8/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1968 – Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hồng V (DNTN Hồng V); địa chỉ: Khu phố 9, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Đình T, sinh năm 1975 và bà Phạm Nguyễn Ánh H1, sinh năm 1974; cùng HKTT: Ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng V có mặt, bị đơn ông Võ Đình T và bà Phạm Nguyễn Ánh H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2019, quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng V trình bày:**

DNTN Hồng V với ông T và bà H1 có quan hệ mua bán mủ cao su với nhau. Ông T và bà H1 là thương lái thu mua mủ cao su của người dân rồi mang đến bán lại cho DNTN Hồng V. Thông thường, DNTN Hồng V sẽ cho những người làm thương lái thu mua mủ cao su ứng trước một khoảng tiền (thực tế là cho vay không lấy lãi) để hỗ trợ các thương lái làm vốn đi thu mua mủ cao su từ các hộ dân rồi mang đến bán lại cho DNTN Hồng V. Việc mua bán và thanh toán tiền, DNTN Hồng V cân mua mủ cao su sẽ thanh toán tiền ngay cho người bán, chỉ khi nào trùng vào ngày thứ bảy hoặc chủ nhật thì DNTN Hồng V mới thiếu lại tiền của người bán và sẽ thanh toán vào ngày thứ hai tuần kế tiếp; số tiền DNTN Hồng V ứng trước vẫn giữ nguyên cho đến khi nào thương lái không bán mủ cho DNTN Hồng V nữa thì sẽ trả lại cho DNTN Hồng V số tiền đã ứng trước. Đối với ông T và bà H1 thì DNTN Hồng V cho ứng trước số tiền là 150.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền” đề ngày 10/8/2017.

Quá trình mua bán kinh doanh, ông T là người trực tiếp đứng ra quan hệ mua bán với DNTN Hồng V, còn bà H1 thì không có trực tiếp tham gia nhưng bà H1 biết việc làm ăn này. Đối với chứng cứ “Giấy mượn tiền” đề ngày 10/8/2017, mẫu giấy do DNTN Hồng V đánh máy sẵn, trong đó nội dung chữ viết về số tiền “một trăm năm mươi triệu đồng chẵn” là do bà Nguyễn Thị Hồng V ghi còn họ tên người vay là do phía ông T và bà H1 tự ghi và ký tên xác nhận. Việc cho vay số tiền 150.000.000 đồng nêu trên với tư cách là DNTN Hồng V cho ông T và bà H1 vay với mục đích là ứng trước hỗ trợ vốn cho thương lái đi mua mủ cao su về bán lại cho DNTN Hồng V chứ không phải cho vay để lấy tiền lãi suất. Ngoài khoản nợ này, đến thời điểm hiện tại ông T và bà H1 không còn nợ DNTN Hồng V khoản tiền nào khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn DNTN Hồng V thống nhất theo Kết luận giám định số 105/GĐ-PC09 ngày 17/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương và yêu cầu Tòa án sử dụng kết quả nói trên làm căn cứ giải quyết vụ án. Nguyên đơn yêu cầu ông T và bà H1 có trách nhiệm liên đới cùng nhau thanh toán cho DNTN Hồng V số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền” ngày 10/8/2017, không yêu cầu tính tiền lãi, yêu cầu thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 22/02/2019; bản sao chứng minh nhân dân và bản sao sổ hộ khẩu của bà Nguyễn Thị Hồng V; bản sao giấy chứng nhận đăng ký DNTN Hồng V; bản sao “Giấy mượn tiền” đề ngày 10/8/2017; đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ trong việc gửi tài liệu, chứng cứ; 01 đơn xin không hòa giải tại trung tâm hòa giải - đối thoại; 01 đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập chứng cứ 01 bản tự khai ngày 22/02/2019; đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết ngày 28/3/2019.

*** Bị đơn ông Võ Đình T và bà Phạm Nguyễn Ánh H1:**

Bị đơn ông T và bà H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt, niêm yết công khai các thủ tục tố tụng, các tài liệu chứng cứ phía

nguyên đơn cung cấp và Tòa án đã thu thập được để bị đơn biết và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình nhưng phía bị đơn vẫn không hợp tác, không cung cấp tài liệu chứng cứ nên không ghi nhận ý kiến của bị đơn.

**** Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập:***

- Kết luận giám định số 105/GĐ-PC09 ngày 17/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bình Dương, theo đó: Chữ ký và chữ viết họ tên “Võ Đình T” dưới mục “Người mượn kí tên” là do ông T ký và viết ra; Chữ viết họ tên “Nguyễn Phạm Ánh Hồng” dưới mục “Người mượn kí tên” là do bà H1 viết ra, chữ ký tên Phạm Nguyễn Ánh H1 dưới mục “Người mượn kí tên” là chưa đủ cơ sở giám định bởi việc thu thập mẫu chữ ký đối chiếu chưa đầy đủ.

- Biên bản xác minh ngày 08/3/2019 và ngày 20/6/2019 của TAND huyện Dầu Tiếng, theo đó ông Võ Đình T, sinh năm 1975 và bà Phạm Nguyễn Ánh H1, sinh năm 1974 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (Số hộ khẩu 150, bắt đầu sinh sống từ năm 2008), đến khoảng cuối năm 2017 đến nay ông T và bà H1 bỏ đi đâu địa phương không rõ, rất ít khi có mặt tại địa phương; ông T và bà H1 hiện có nhà và đất tại địa phương và đang bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng thực hiện thủ tục kê biên xử lý theo quy định.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà V có mặt. Bị đơn ông T và bà H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử cho phiên tòa được tiếp tục để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”. Về thủ tục tố tụng, không kiến nghị bổ sung hay đề nghị khắc phục. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà V – Chủ DNTN Hồng V, buộc bị đơn ông T và bà H1 phải thanh toán khoản vay còn nợ là 150.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng V – Chủ DNTN Hồng V có mặt, bị đơn ông Võ Đình T và bà Phạm Nguyễn Ánh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T và bà H1 theo quy định.

[2] Quá trình thu thập chứng cứ, xác minh tại địa phương nơi cư trú, thấy rằng: Bị đơn ông T và bà H1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Ấp B, xã L, huyện D, tỉnh Bình Dương (Số hộ khẩu 150), hiện tại vẫn còn sinh sống nhưng rất ít khi có mặt tại nhà. Theo đơn khởi kiện ngày 22/02/2019, nguyên đơn bà V – Chủ DNTN Hồng V yêu cầu bị đơn ông T và bà H1 thanh toán số tiền 150.000.000 đồng, nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Căn cứ theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà V – Chủ DNTN Hồng V yêu cầu bị đơn ông T và bà H1 có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền 150.000.000 đồng theo “Giấy mượn tiền” ngày 10/8/2017. Xem xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp thấy rằng:

[3.1] Quá trình tố tụng, ngày 28/3/2019, nguyên đơn bà V – Chủ DNTN Hồng V có yêu cầu Tòa án thực hiện trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết hai bị đơn thể hiện tại “Giấy mượn tiền” ngày 10/8/2017 để làm cơ sở giải quyết vụ án. Tại Kết luận giám định số 105/GĐ-PC09 ngày 17/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự-Công an tỉnh Bình Dương kết luận: Chữ ký và chữ viết họ tên “Võ Đình T” dưới mục “Người mượn kí tên” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký và chữ viết họ tên của Võ Đình T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M4 đến M7) do cùng một người ký và viết ra; Chữ viết họ tên “Phạm Nguyễn Ánh H1” dưới mục “Người mượn kí tên” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết họ tên của Phạm Nguyễn Ánh H1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M3, M7) do cùng một người viết ra. Như vậy, có cơ sở khẳng định hai bị đơn ông T và bà H1 có vay mượn tiền của DNTN Hồng V nên việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[3.2] Theo “Giấy mượn tiền” ngày 10/8/2017 thể hiện, số tiền cho vay là 150.000.000 đồng, hai bên không thỏa thuận về lãi suất vay, không hẹn thời gian thanh toán nhưng có thỏa thuận khi nào nguyên đơn có yêu cầu thì bị đơn sẽ hoàn trả lại số tiền đã vay trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thông báo. Theo ý kiến của nguyên đơn bà V – Chủ DNTN Hồng V, hai bên làm ăn chung với nhau khoảng 06 tháng thì không làm ăn nữa, sau đó nhiều lần bà V yêu cầu ông T và bà H1 thanh toán số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng thì ông T và bà H1 hẹn lần hẹn lượt nhưng cố tình né tránh, không thanh toán. Như vậy, có căn cứ thể hiện nguyên đơn bà V – Chủ DNTN Hồng V đã yêu cầu bị đơn thực hiện việc thanh toán số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng đúng như thỏa thuận. Đến thời điểm hiện tại, không có căn cứ để xác định bị đơn đã thanh toán số tiền vay nói trên nguyên đơn, việc bị đơn chưa thanh toán tiền vay cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn bà V – Chủ DNTN Hồng V khởi kiện, yêu cầu bị đơn ông T và bà H1 thanh toán số tiền 150.000.000 đồng là có cơ sở, được chấp nhận.

[3.3] Nguyên đơn bà V – Chủ DNTN Hồng V không yêu cầu phía bị đơn ông T và bà H1 phải thanh toán tiền lãi phát sinh, đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn bà V – Chủ DNTN Hồng V và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Quá trình thực hiện tố tụng giải quyết vụ án, bị đơn ông T và bà H1 được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng cố tình vắng mặt không tham gia tố tụng, không cung cấp ý kiến, chứng cứ nên không xem xét ý kiến của bị đơn.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến về phần các thủ tục tố tụng, diễn biến tại phiên tòa và nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 2.440.000 đồng, bị đơn ông T và bà H1 phải chịu toàn bộ. Nguyên đơn bà V – Chủ DNTN Hồng V đã nộp tạm ứng xong nên bị đơn ông T và bà H1 phải nộp để hoàn trả lại cho nguyên đơn bà V – Chủ DNTN Hồng V.

[7] Về án phí: Bị đơn ông T và bà H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị Hồng V - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Hồng V với ông Võ Đình T và bà Phạm Nguyễn Ánh H1.

Buộc ông T và bà H1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà V – Chủ DNTN Hồng V số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) theo “Giấy mượn tiền” ngày 10/8/2017.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà V – Chủ DNTN Hồng V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T và bà H1 không thanh toán số tiền trên, thì hàng tháng ông T và bà H1 còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 2.440.000 đồng (hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng), ông T và bà H1 phải chịu toàn bộ. Do, bà V – Chủ DNTN Hồng V đã nộp tạm ứng xong nên ông T và bà H1

phải nộp số tiền 2.440.000 đồng (hai triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) để hoàn trả lại cho bà V – Chủ DNTN Hồng V.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông T và bà H1 phải chịu số tiền 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

3.2. Hoàn trả cho bà V – Chủ DNTN Hồng V số tiền 3.750.000 đồng (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0031253 ngày 25/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 17/9/2019).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Đồng